# Ngày soạn:

# Ngày dạy:

# Tiết 102-103: KẾ HOẠCH BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

# Thờigian: 60 phút.

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Về năng lực**

-Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.

- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.

- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).

- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.

- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).

- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...

- Nhận biết được sự đa dạng của thực vật

- Trình bày được vai trò của thực vật với động vật & con người

- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).

- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).

- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

- Nhận biết & phân biệt được nhóm động vật có xương sống: Lớp bò sát, Lớp Thú thông qua hình ảnh hình thái.

- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.

- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột

khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.

- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, …

- Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học

Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.

- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.

- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).

- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.

- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.

- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).

- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.

- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.

- Nêu được đơn vị lực đo lực.

- Nhận biết được dụng cụ đo lục là lực kế.

- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.

- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.

- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.

- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.

- Lấy được vi dụ về lực không tiếp xúc.

- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.

- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.

- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).

- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.

- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.

- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.

- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.

**2. Về phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ

**-** Trách nhiệm

**-** Trung thực

# YÊU CẦU

* 1. Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra định kì.
  2. Học sinh: Học sinh làm bài kiểm tra trên giấy.

# TIẾN TRÌNH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì 2 | Kiểm tra  viết | Bài kiểm tra (TN+  TL) |
| 2 | 15 phút | Kiểm tra giữa kì 2 | Kiểm tra  viết | Bài kiểm tra (TN+  TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

# Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa học kì 2 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

1. **Khung ma trận**
   * **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 2 khi kết thúc nội dung:
   * **Thời gian làm bài:** 60 phút.
   * **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

# Cấu trúc:

**+ Mức độ đề**: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

**+ Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

**+ Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu**  **TN/số ý TL** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| Chủ đề: Đa dạng nấm (2 tiết) |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  | 2 | 0.5 |
| Chủ đề:: Đa dạng thực vật(11 tiết) | 1 | **3** | 3 | **2** | 3 |  |  |  | 7 | 5 | 3,0 |
| Chủ đề:: Đa dạng động vật (10 tiết) | 2 | **3** | 4 |  | 2 |  |  |  | 8 | 3 | 2,75 |
| Chủ đề:: Đa dạng sinh học(6 tiếtt) |  | **2** |  |  | 1 |  | 4 |  | 4 | 3 | 1,75 |
| Chủ đề:: Lực (7 tiết) | 1 | **3** | 1 | **1** | 2 |  |  |  | 4 | 4 | 2,0 |
| **Số câu** | **4** | **12** | **8** | **4** | **8** | **0** | **4** | **0** | 24 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì 2**

**Môn: KHTN.** Thời gian làm bài: 60 phút

| **Nội dung**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ, yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Địa chỉ câu hỏi tại đề KT** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **(số ý)** | **TN**  **(số câu)** | **TL**  **(câu số)** | **TN**  **(câu số)** |
| **1. Đa dạng nấm:**  - Sự đa dạng nấm.  - Vai trò của nấm.  - Một số bệnh do nấm gây ra. | **Nhận biết** | -Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  | **1** | **C8** |  |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.  - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).  - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  | **1** |  | **C13** |
| **Vận dụng** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| **2. Đa dạng thực vật:**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Nhận biết được sự đa dạng của thực vật  - Trình bày được vai trò của thực vật với động vật & con người | **1** | **3** | **C18** | **C2,C9,C10** |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).  - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | **3** | **2** | **C18** | **C1**  **C3** |
|  | **Vận dụng** | - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | **3** |  | **C18** |  |
| **3. Đa dạng động vật :**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Nhận biết & phân biệt được nhóm động vật có xương sống: Lớp bò sát, Lớp Thú thông qua hình ảnh hình thái.  - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. | **2** | **3** | **20a** | **C4, C5,C6** |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột  khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. | **4** |  | **C20b** |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. | **2** |  | **C20b** |  |
| **4. Đa dạng sinh học** | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | **2** |  | **C11, C12** |
| **Thông hiểu** | - Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | **1** |  | **C17** |  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.  - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).  - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.  - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.  - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. | **4** |  | **C17** |  |
| **5. Lực** | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.  - Nêu được đơn vị lực đo lực.  - Nhận biết được dụng cụ đo lục là lực kế.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.  - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.  - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.  - Lấy được vi dụ về lực không tiếp xúc.  - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. | **1** | **3** | **C19a** | **C7**  **C14**  **C15**  **C16** |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.  - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).  - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.  – Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. | **1** | **1** | **19a** |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. | **2** |  | **19b** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**: **(16 câu - 4 điểm).**

**Câu 1:** Nhóm thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa là

A. rêu.

B. dương xỉ.

C. hạt trần.

D. hạt kín.

**Câu 2:**Thực vật được chia thành các ngành nào?

1. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín
2. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín
3. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm
4. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết

**Câu 3:** Nhóm các cây công nghiệp gồm

1. chè, cà phê, hồ tiêu.
2. bắp cải, ngô, khoai
3. ngô, khoai, sắn
4. chè, ngô, hồ tiêu

**Câu 4:** Loài động vật nào sau đây thuộc Lớp thú ?

1. Cá sấu xiêm.
2. Cá voi xanh.
3. Cá chép.
4. Cá mập.

**Câu 5:** Động vật có khả năng vừa sống ở nước vừa sống ở cạn, có da trần luôn ẩm ướt, hô hấp bằng da và phổi thuộc lớp động vật nào sau đây?

1. Lớp thú
2. Lớp lưỡng cư
3. Các lớp cá
4. Lớp chim

**Câu 6:** Loài động vật nào dưới đây là vật chủ trung gian truyền bệnh sốt xuất huyết?

1. Ếch đồng
2. Trai sông
3. Muỗi vằn
4. Rắn ráo

**Câu 7: Hình nào biểu diễn đúng lực do gió tác dụng vào thuyền?**

A. B. 

C.  D. 

**Câu 8. Thành phần cấu tạo nào không phải của nấm**

A. Mũ nấm B. Thân nấm C. Rễ D. Sợ nấm

**Câu 9.** Trong các cây sau: na, cúc, cam, rau bợ, khoai tây. Có bao nhiêu cây được xếp vào nhóm thực vật không có hoa?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 10.** Khi nói về rêu, nhận định nào dưới đây là chính xác?

A. Cấu tạo đơn bào.

B. Chưa có rễ chính thức.

C. Không có khả năng hút nước.

D. Thân đã có mạch dẫn.

**Câu 11.** Trên Trái Đất, vùng nào dưới đây có số loài sinh vật đa dạng, phong phú nhất?

A. Vùng nhiệt đới.

B. Vùng ôn đới.

C. Bắc Cực.

D. Nam Cực.

**Câu 12.** Những tiêu chí nào dưới đây biểu thị sự đa dạng sinh học?

(1) Đa dạng khí hậu, thời tiết.

(2) Số lượng cá thể của mỗi loài.

(3) Đa dạng môi trường sống.

(4) Số lượng loài.

A. (1), (2), (3).

B.(1), (2), (4).

C.(1), (3), (4).

D. (2), (3), (4).

**Câu 13.** Bào tử đảm là cơ quan sinh sản của loại nấm nào sau đây?

**A.** Nấm hương. **B.** Nấm bụng dê  **C.** Nấm mốc. **D.** Nấm men.

**Câu 14.** Lực nào sau đây là lực tiếp xúc?

A. Lực hút của Trái Đất tác dụng lên quả táo trên cây.

B. Lực của chân người tác dụng lên đĩa cân khi kiểm tra sức khỏe.

C. Lực hút giữa hai thanh nam châm khi đặt các cực khác tên gần nhau.

D. Lực hút giữa Mặt Trời và Trái Đất.

**Câu 15.** Lực nào sau đây là lực **không** tiếp xúc?

A. Lực đẩy của tay người lên cánh cửa sổ khi mở cửa.

B. Lực của chân người tác dụng lên bậc thang khi đi bộ.

C. Lực hút của Trái Đất tác dụng lên máy bay.

D. Lực của gió tác dụng lên cánh diều.

**Câu 16.** Khi một quả bóng đập xuống sân bóng thì sân tác dụng lực lên quả bóng sẽ gây ra những kết quả gì?

A. Chỉ làm thay đổi chuyển động của quả bóng.

B. Chỉ làm biến dạng quả bóng.

C. Vừa làm biến dạng quả bóng, vừa làm thay đổi chuyển động của nó.

D. Không làm biến dạng và cũng không làm thay đổi chuyển động của quả bóng.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 17(1,25đ)**: Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học? Em hãy nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học?

**Câu 18(1,75đ):** Kể tên các nhóm thực vật đã học.Sắp xếp các thực vật sau vào các nhóm ở trên: *rau bợ, bèo vảy ốc , rêu, bách tán, tùng, thông, dương xỉ, pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, ngô, bao báp.*

**Câu 19(1đ): a**. Em hãy nêu tên đơn vị đo lực? Khi ấn tay lên quả bóng bay, ta đã tác dụng lên vỏ quả bóng lực đẩy hay lực kéo?

**b.** Em hãy lấy hai ví dụ trong thực tế, khi đẩy hoặc kéo làm một vật đang đứng yên thì chuyển động.

**Câu 20(2đ):** Cho một số sinh vật sau: con chó, con cá, con gà, cây khế.

**a**. Em hãy xác định đặc điểm đối lập (khả năng di chuyển, môi trường sống, số chân) ở những sinh vật trên.

1. Dựa vào các đặc điểm trên hãy xây dựng khoá lưỡng phân để phân chia các sinh vật trên thành từng nhóm?

**------------Hết------------**

**H ƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**: **(4 điểm). M**ỗi câu đúng được 0,25 đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-A** | **2-B** | **3-A** | **4-B** | **5-B** | **6-C** | **7-A** | **8-C** |
| **9-A** | **10-B** | **11-A** | **12-D** | **13-C** | **14-C** | **15-C** | **16-C** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17: 1,25đ**  \* **Cần bảo vệ đa dạng sinh học vì:**  + Bảo tồn đa dạng sinh học là bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật, giúp giữ gìn ổn định môi trường tự nhiên.  + Giúp đảm bảo sự phát triển bền vững của con người.  **\* Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học**  + Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ, vườn quốc gia…  + Ban hành luật bảo vệ đa dạng sinh học.  + Tuyên truyền để nâng cao ý thức người dân về bảo tồn đa dạng sinh học. | 0,5đ  0,75đ |
| **Câu 18: 1,75đ**  **- Kể tên các nhóm thực vật đã học: 0,25đ + 0,125 x 12 = 1,5đ**  + Rêu (TV không có mạch dẫn): rêu.  + Dương xỉ (TV có mạch dẫn, không có hạt): rau bợ, dương xỉ, bèo vảy ốc.  + Hạt trần (TV có mạch dẫn, có hạt, không có hoa): tùng, bách tán, thông.  + Hạt kín (TV có mạch dẫn, có hạt, có hoa): pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, ngô, bao báp. | - 0,25đ  - 1VD = 0,125đ |
| **Câu 19: 1đ**   1. - Đơn vị đo của lực là Niu tơn, kí hiệu là N   - Lực ấn lên quả bóng là lực đẩy  b) - Đá bóng, đá cầu..  - Kéo co, con bò kéo xe | 0,5đ  0,5đ |
| **Câu 20: 2đ**  **a)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đặc**  **điểm**  **Sinh vật** | **Khả năng di chuyển** | **Môi trường sống** | **Số chân** | | **Con chó** | Có | Trên cạn | 4 | | **Con cá** | Có | Dưới nước | 0 | | **Con gà** | Có | Trên cạn | 2 | | **Cây khế** | Không | Trên cạn | 0 |     **b) Sơ đồ khóa lưỡng phân**  **Con chó, con cá, con gà, cây khế**  khả năng di chuyển    không có  sống ở cạn  không có  có 2 chân  **Cây khế**  **Con cá**  không có  **Con gà**  **Con chó** | 0,5đ  1đ  0,5đ |